

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2019

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TR, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nam và ông Nguyễn Trung Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tr, tỉnh T.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Ông Phạm Xuân Long.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tr, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346 /2018/HNGĐ - ST ngày 19 tháng 12 năm 2018 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1994

Trú tại: Xóm 1, xã Nam S, huyện Đ, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn 2, xã Đồng T, huyện Tr, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày giữa chị và bị đơn là anh Nguyễn Trọng T đăng ký kết hôn ngày 21/3/2012 tại UBND xã Đồng T, huyện Tr, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, đã nhiều lần được gia đình hai bên nội ngoại khuyên nhủ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, có nhiều bất đồng, không tìm thấy tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng anh chị có hai con chung với nhau tên các cháu là Nguyễn Thị Như P, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Nguyễn Trọng Phương N, sinh ngày 05/11/2013, hiện nay các cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai cháu, hiện nay chị Th đang làm công nhân tại tỉnh B, thu nhập bình quân hằng tháng của chị Th là 7.000.000đ, chị xét thấy có đủ điều kiện để nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị,

Về tài sản và phần nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Trọng T trình bày việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như chị Th trình bày là hoàn toàn đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi nhau. Nay chị Th đề nghị được ly hôn, anh T cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị được ly hôn.

Về con chung: Anh T trình bày vợ, chồng anh chị có hai con chung như chị Th trình bày, hiện nay các cháu đang ở cùng anh tại xã Đồng T, huyện Tr. Ly hôn nguyện vọng của anh xin được nuôi cả hai cháu, anh T trình bày nghề nghiệp của anh là lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ, anh xét thấy anh có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho các con chung của vợ chồng, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản và phần nợ: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55 luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Trọng T; Về con chung giao cháu Nguyễn Thị Như P cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Trọng Phương N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng anh chị không yêu cầu, không xét; Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu nên không xét; Án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Trọng T đăng ký kết hôn ngày 21/3/2012 tại UBND xã Đồng T, huyện Tr, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng

sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th và anh T đều thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Xét nguyện vọng yêu cầu được ly hôn của anh chị phù hợp với điều 55 luật hôn nhân gia đình. Vì vậy xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Trọng T.

[2]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có hai con chung với nhau tên các cháu là Nguyễn Thị Như P, sinh ngày 25/7/2012 và cháu Nguyễn Trọng Phương N, sinh ngày 05/11/2013, hiện nay các cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn nguyện vọng của chị Thắng và anh T đều xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc yêu cầu được nuôi con của chị Th và anh T đều chính đáng, nhưng hiện nay thu nhập bình quân và điều kiện kinh tế của anh chị như nhau, vợ chồng anh, chị đều tha thiết xin được nuôi con, các cháu đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc chu đáo. Ngày 24/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Tr đã tiến hành xác minh tại UBND xã Đồng T, xác định nguyên nhân tranh chấp là do vợ chồng anh, chị bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đều không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, nhằm ổn định về tâm lý, nên căn cứ vào khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Như P cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Trọng Phương N, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[3]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Th phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như P cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Trọng Phương N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng vợ chồng anh chị không đặt ra, nên không xét.

Chị Th, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bên trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Nếu trong quá trình nuôi con các bên không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu, thì bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Tr theo biên lai số AA/2017/0005314 ngày 19 tháng 12 năm 2018 nay trừ vào án phí ly hôn. Chị Th đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố chị Th, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Tr
- Các đương sự
- UBND xã Đồng T
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Nam Nguyễn Trung Tâm

Lê Thị Thủ

y

Nơi nhận:

- VKS Thiệu Hoá
- Các đương sự
- UBND xã Yên Thái
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Thông

